

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **44** /2018/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 28 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp về quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn và công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bình Định

SỞ TƯ PHÁP	
Số: 3107	
Ngày: 07/9/18	
Chuyên:	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 237/TTr-SNN ngày 23 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp về quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn và công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K6, K10 *[Chữ ký]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu

QUY CHẾ

Phối hợp về quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn và công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bình Định
(Ban hành kèm theo Quyết định số **44** /2018/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn và thực hiện việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống có các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

3. Các cơ quan quản lý Nhà nước; các tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn.

Điều 3. Các hoạt động ngành nghề nông thôn

Các hoạt động ngành nghề nông thôn trong Quy chế này được quy định tại Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, bao gồm:

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
2. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
4. Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ.
5. Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh.
6. Sản xuất muối.

7. Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

Chương II

CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 4. Mục đích công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Ghi nhận những đóng góp và tôn vinh những sản phẩm đặc trưng của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Khuyến khích, động viên các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia các hoạt động sản xuất, nâng cao ý thức, trách nhiệm xây dựng và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động địa phương.

3. Khuyến khích, động viên nghệ nhân, thợ thủ công có trình độ tay nghề cao và kinh nghiệm trong sản xuất ở các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tham gia nghiên cứu, làm ra nhiều sản phẩm đa dụng có tính thẩm mỹ cao, phù hợp với nhu cầu thị trường, đồng thời mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc nhằm phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới.

Điều 5. Nguyên tắc, thẩm quyền công nhận và thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Nguyên tắc

a) Việc đánh giá, công nhận và thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống chỉ được xét công nhận khi đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và hồ sơ đã được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ được trích dẫn cụ thể tại Điều 7 và Điều 9 của Quy chế này.

c) Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt tiêu chí theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ được trích dẫn cụ thể tại Điều 7 của Quy chế này sẽ bị thu hồi bằng công nhận.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và tổng hợp danh sách các

nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt tiêu chí theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thẩm quyền

Thẩm quyền công nhận và thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 6. Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được lấy tên của nghề chính trước và tên của địa phương (thôn, làng hoặc địa danh) sau.

Nếu trên địa bàn có nhiều nghề thì tên của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được lấy tên của sản phẩm nổi tiếng nhất. Việc đặt tên nghề, làng nghề do tập thể các thành viên hoạt động trong làng nghề và chính quyền địa phương bàn bạc, thống nhất.

Điều 7. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, cụ thể:

1. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống

Nghề được công nhận là nghề truyền thống phải đạt cả 03 tiêu chí sau:

- a) Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận.
- b) Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hoá dân tộc.
- c) Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề.

2. Tiêu chí công nhận làng nghề

Làng nghề được công nhận phải đạt cả 03 tiêu chí sau:

- a) Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.
- b) Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận.
- c) Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống

Làng nghề truyền thống phải đạt tiêu chí làng nghề quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ được trích dẫn cụ thể tại khoản 2 Điều này và có ít nhất một nghề truyền thống theo quy định tại khoản 2

Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ được trích dẫn cụ thể tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Tiêu chí bản sắc văn hóa dân tộc để xem xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

Nghề tạo ra sản phẩm mang bản sắc văn hóa dân tộc phải đạt một trong ba yếu tố sau:

1. Tạo ra sản phẩm mang bản sắc văn hóa đại diện cho vùng miền và thể hiện tính riêng của địa phương.
2. Tạo ra sản phẩm thể hiện đời sống văn hóa tâm linh (tín ngưỡng, tôn giáo), văn hóa ẩm thực, phong tục tập quán, trang phục, lễ hội truyền thống, kho tàng văn học nghệ thuật, sinh hoạt đời sống góp phần tạo nên diện mạo, bản sắc riêng tại địa phương.
3. Tạo ra sản phẩm mang hình ảnh, biểu tượng phản ánh di vật, cổ vật, danh lam thắng cảnh, di tích nổi tiếng tại địa phương.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, cụ thể:

1. Hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống
 - a) Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống.
 - b) Bản sao giấy chứng nhận, huy chương đã đạt được trong các cuộc thi, triển lãm trong nước và quốc tế hoặc có tác phẩm đạt giải nghệ thuật cao được cấp tỉnh trở lên trao tặng (nếu có). Đối với những tổ chức, cá nhân không có điều kiện tham dự các cuộc thi, triển lãm hoặc không có tác phẩm đạt giải thưởng thì phải có bản mô tả đặc trưng mang bản sắc văn hóa dân tộc của nghề truyền thống.
 - c) Bản sao giấy công nhận Nghề nhân nghề truyền thống của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).
2. Hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề
 - a) Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn.
 - b) Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất.
 - c) Văn bản bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.
3. Hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề truyền thống
 - a) Hồ sơ đề nghị công nhận làng nghề truyền thống bao gồm các văn bản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ được trích dẫn cụ thể tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp đã được công nhận làng nghề, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ được trích dẫn cụ thể tại khoản 1 Điều này.

c) Trường hợp chưa được công nhận làng nghề nhưng có nghề truyền thống đã được công nhận, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ được trích dẫn cụ thể tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Trình tự công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Trình tự công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, cụ thể:

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ được trích dẫn cụ thể tại Điều 7 của Quy chế này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét duyệt, chọn những đối tượng đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ được trích dẫn cụ thể tại Điều 7 của Quy chế này, ra quyết định và cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 11. Thời gian xét công nhận

1. Việc xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được tổ chức định kỳ 01 lần/năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

3. Hội đồng xét công nhận cấp tỉnh tổ chức xét duyệt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Chương III QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ, NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

Điều 12. Nội dung quản lý nhà nước làng nghề, ngành nghề nông thôn

1. Xây dựng, ban hành quy hoạch, chính sách, kế hoạch, đề án, chương trình và dự án phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, dự án phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh sau khi được ban hành.

2. Hỗ trợ các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn trong quá trình sản xuất và hoạt động về môi trường, thị trường, vốn, thuế, khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề, lao động, giải quyết việc làm, an toàn lao động. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về làng nghề, ngành nghề nông thôn cho các nghề, làng nghề và các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn của tỉnh.

3. Phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề có dự án đầu tư hiệu quả được giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, tổ chức tuyên truyền, quảng bá thương hiệu các sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn. Tổ chức các hội chợ triển lãm trong nước và nước ngoài, hội thi các sản phẩm thuộc làng nghề, ngành nghề nông thôn theo kế hoạch hàng năm.

6. Xây dựng, đăng ký và bảo hộ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

7. Chỉ đạo, tổ chức xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh; tổ chức thanh tra, kiểm tra các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn theo quy định của pháp luật. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của các nghề, làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 13. Hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn

1. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận và ngành nghề nông thôn được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển quy định tại Chương III và Chương IV của Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; được hưởng các chính sách ưu đãi về môi trường và các chính sách khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Mỗi nghề, làng nghề đạt tiêu chí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ được trích dẫn cụ thể tại Điều 7 của Quy chế này được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và được hỗ trợ kinh phí trực tiếp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh có quyền hạn, trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn.
2. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; hướng dẫn, tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các cơ chế, chính sách, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh sau khi được ban hành; định hướng bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn và định hướng các mục tiêu hỗ trợ, xác định tiêu chí và nội dung các lĩnh vực cần hỗ trợ.
3. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn xây dựng và tổng hợp kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.
4. Phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.
5. Hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, hồ sơ, trình tự công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; xây dựng các biểu mẫu để thống nhất khi lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.
6. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và tổ chức cuộc họp của Hội đồng. Làm đầu mối tiếp nhận, kiểm tra và tổng hợp hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.
7. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, đánh giá và thẩm định mức độ đạt các tiêu chí so với hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; tham mưu cho Hội đồng xét duyệt, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và cấp bằng công nhận.
8. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, kiểm tra thực tế và tổng hợp tình hình hoạt động của các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận. Lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công

nhận không đạt các tiêu chí theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi bằng công nhận.

9. Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí phục vụ cho công tác thẩm định và hoạt động của Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch hàng năm.

10. Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổng hợp tình hình hoạt động, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 15. Sở Công Thương

1. Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp gắn với phát triển ngành nghề nông thôn đảm bảo các quy định đáp ứng việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong làng nghề; quản lý các cụm công nghiệp làng nghề.

2. Tổ chức thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các chính sách, chương trình, kế hoạch khuyến công; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các cơ chế, chính sách sau khi được ban hành. Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động khuyến công trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch hàng năm.

4. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công, các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; hướng dẫn, tạo điều kiện để các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tham gia các hội chợ, triển lãm thương mại trong và ngoài nước nhằm quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

5. Hỗ trợ các làng nghề, cơ sở ngành nghề trên địa bàn tỉnh xây dựng và phát triển thương hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao.

Điều 16. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Căn cứ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề theo quy định của Luật Đất đai.

2. Hướng dẫn cụ thể cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12 Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để hoàn thiện hồ sơ công nhận làng nghề.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách, kế hoạch bảo vệ môi trường làng nghề; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất các chính sách, kế hoạch sau khi được ban hành.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường làng nghề.

4. Hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh và Trung ương liên quan đến đất đai. Hướng dẫn, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn theo quy định của pháp luật về đất đai.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra, đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm và xác nhận các làng nghề đáp ứng hoặc không đáp ứng đủ tiêu chí về bảo vệ môi trường theo các quy định hiện hành kịp thời nhằm giúp cho công tác xét công nhận và thu hồi giấy công nhận hàng năm được thuận lợi.

Điều 17. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường các nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án, gắn kết với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm tăng thêm nguồn kinh phí hàng năm để đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm tại các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn.

2. Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện tốt Quy chế này.

Điều 18. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện công tác công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn, Sở Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị có liên quan.

Điều 19. Sở Văn hóa và Thể thao

Hướng dẫn và thẩm định các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống đề nghị công nhận đạt tiêu chí bản sắc văn hóa dân tộc theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

Điều 20. Sở Du lịch

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các đề án, chương trình bảo tồn, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch làng nghề tại các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện các đề án, chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển du lịch làng nghề trên địa bàn tỉnh sau khi được ban hành.

2. Chủ trì, hướng dẫn các tour, điểm du lịch gắn với phát triển làng nghề; hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn kiến thức du lịch cộng đồng, kỹ năng giao tiếp cho các thành viên làng nghề để phục vụ cho khách du lịch tham quan, mua sắm; chỉ đạo vận động các cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch trên địa bàn tỉnh nhận trưng bày, ký gửi tiêu thụ sản phẩm của làng nghề.

Điều 21. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn trong kế hoạch hàng năm của tỉnh.
2. Hướng dẫn, quản lý công nghệ sản xuất, hạn chế việc đưa công nghệ cũ, lạc hậu vào làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn và khu vực dân cư nông thôn.
3. Hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường; hỗ trợ xây dựng, đăng ký và bảo hộ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho sản phẩm nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 22. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề, chú ý đào tạo nghề nhằm nâng cao tay nghề thợ thủ công và truyền nghề cho lao động nông thôn tại các làng nghề, cơ sở ngành nghề; hướng dẫn thực hiện các văn bản có liên quan đến lao động, giải quyết việc làm; tổ chức thực hiện an toàn lao động, đào tạo, tập huấn và cấp giấy chứng nhận về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho các làng nghề, cơ sở ngành nghề.

Điều 23. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thống nhất giao nhiệm vụ chủ trì, quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn ở cấp huyện cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế.
2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn các làng nghề tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện kiểm tra, rà soát các làng nghề sau khi được công nhận chưa đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường thì xây dựng kế hoạch thực hiện việc khắc phục.
3. Đẩy mạnh thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn đã được ban hành; triển khai quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề, phương án, dự án bảo vệ môi trường làng nghề.
4. Phối hợp với các sở, ngành, tổ chức liên quan tạo điều kiện để các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn được thụ hưởng các chính sách của Nhà nước về khuyến khích phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn. Bố trí ngân sách hàng năm để hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.
5. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, nhất là việc thực hiện bảo vệ môi trường, tránh tác hại của ô nhiễm môi trường với sức khỏe con người, chủ yếu là với các đối tượng sản xuất kinh doanh tại làng nghề. Tuyên truyền giáo dục ý thức cộng đồng trong việc phát triển kinh tế làng nghề gắn với du lịch, nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân.
6. Hàng năm, xây dựng kế hoạch hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp

trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh nhằm khai thác, phát huy ngành nghề lợi thế của địa phương gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường.

7. Xây dựng, tổng hợp dự toán kinh phí phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

8. Chỉ đạo các phòng, ban liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn đủ tiêu chí công nhận và tổ chức đánh giá cụ thể mức độ đạt các tiêu chí, lập hồ sơ đề nghị công nhận trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, quyết định. Tổ chức công bố nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận.

9. Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, kiểm tra thực tế, đánh giá tình hình hoạt động của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận. Lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt tiêu chí quy định gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thu hồi bằng công nhận.

10. Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) theo dõi tình hình hoạt động và phát triển của các làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn, thu thập và tổng hợp số liệu báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo định kỳ 06 tháng (trước ngày 10 tháng 6 hàng năm) và báo cáo năm (trước ngày 10 tháng 12 hàng năm) hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 24. Các sở, ngành liên quan khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện tốt Quy chế này.

Điều 25. Điều khoản thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung Quy chế này các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. *[Signature]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu